TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DSST
Ngày: 30/9/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-DS ngày 4 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Kim C, sinh năm 1960 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Số C, tổ C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phan Thị V, sinh năm 1966 *(vắng mặt)*;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn L, sinh năm 1966 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:

Vào ngày 13/4/2023 âl, bà C có cho bà Phan Thị V vay số tiền 60.000.000đ, khi vay có biên nhận là Hợp đồng vay có thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 5%/ tháng, thời hạn vay thỏa thuận 03 tháng, khi vay bà V có giao cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em chồng bà V tên Trần Thị H sinh năm 1973. Trong "Hợp đồng vay có thế chấp tài sản" có ghi tên ông Trần Văn Đ là chồng của bà V

nhưng chỉ có bà C và bà V thỏa thuận vay và giao nhận ông Đ không được biết. Sau khi vay đến ngày 23/6/2023 âl thì bà V có trả cho bà C 31.000.000đ tiền vốn và tiền lãi nhưng bà C không nhớ tiền lãi bao nhiêu, bà C có giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Từ đó đến nay bà V không trả tiền vốn gốc cho bà C và cũng không đóng lãi. Do bà V còn nợ lại số tiền 29.000.000đ, ông Phan Văn L là em của bà V có hứa sẻ bảo lãnh trả nợ vay cho bà C. Vì vậy, bà Nguyễn Kim C yêu cầu bà Phan Thị V và ông Phan Văn L liên đới trả số tiền còn nợ là 29.000.000đ và lãi tính từ ngày 23/6/2023 âl đến ngày xét xử với lãi suất là 1,6%/tháng.

Tại phiên tòa bà C chỉ yêu cầu bà Phan Thị V trả số tiền còn nợ là 29.000.000đ và lãi tính từ ngày 23/6/2023 âl đến ngày xét xử với lãi suất là 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Phan Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72, Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phan Thị V trả số tiền là 29.000.000 đồng và từ ngày 23/6/2023 âl đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Kim C khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị V và ông Phan Văn L liên đới trả số tiền 29.000.000đ, và tính lãi đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Phan Thị V và ông Phan Văn L có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phan Thị V, Ông Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông L, bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Kim C có cho bà Phan Thị V vay 60.000.000đ vào ngày 13/4/2023 âl, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, khi vay có lập

biên nhận, khi vay bà C có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của e chồng bà V là bà Trần Thị H. Sau khi vay bà V có đóng lãi cho bà C nhưng bà C không nhớ số tiền đóng là bao nhiêu. Ngày 23/6/2023, bà V có trả cho bà C 31.000.000đ, và bà C cũng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Từ đó đến nay bà V không đóng lãi và trả nợ gốc cho bà C. Do đó bà C yêu cầu bà Phan Thị V trả số tiền vốn vay là 29.000.000đ, và tính lãi từ ngày 23/6/2023 cho đến khi xét xử với lãi suất 0,83%/tháng.

Bà Phan Thị V đã được Tòa án triệu tập cũng như tống đạt Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ và trình bày ý kiến nhưng bà V vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay có thế chấp tài sản ghi ngày 13/4/2023, bên cho vay là bà Nguyễn Kim C, bên vay là ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị H vay số tiền 60.000.000đ, không đề cặp đến lãi suất.

Sau đó bà C có cung cấp thêm Biên nhận ghi ngày 23/6/2023 âl, trong biên nhận ghi nội dung bà Phan Thị V có mượn của bà Nguyễn Kim C số tiền 29.000.000đ, tuy nhiên không đề cặp về lãi suất, và thời hạn trả nợ. Người nhận là bà Phan Thị V. Bà C thừa nhận biên nhận ghi ngày 23/6/2023 âl là do bà C và bà V thỏa thuận lập lại sau khi Tòa án thụ lý để làm rõ nội dung vay tiền giữa bà C và bà V, bà C là người viết biên nhận, bà V là người ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Do đó, bà C căn cứ vào biên nhận ngày 23/6/2023 âl để khởi kiện bà V.

Bà V vắng mặt không có ý kiến về tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Căn cứ theo điều 92 xem như bà V thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu ông Phan Văn L liên đới trả nợ cùng bà V do đó Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề liên quan đến ông Phan Văn L.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhập yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C, buộc bà Phan Thị V trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền còn nợ là 29.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất: Bà Nguyễn Kim C yêu cầu tính lãi đối với số tiền 29.000.000đ từ ngày 23/6/2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện với lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà C trình bày có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, sau khi vay bà V có đóng lãi nhưng bà C không nhớ số tiền đóng lãi là bao nhiêu, tuy nhiên theo Biên nhận ngày 23/6/2023âl không đề cặp đến lãi suất do đó bà C yêu cầu tính lãi 0,83%/ tháng là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Lãi suất được tính từ ngày 23/6/2023 âl đến ngày 30/9/2024 (28/8/2024 âl) là 14 tháng 12 ngày.

Tiền lãi được tính: (29.000.000đ x 0,83% x 14 tháng) + (29.000.000đ x 0,028% x 12)= 3.369.000 + 97.000 = 3.466.000đ.

[2.3] Về án phí: bà Phan Thị V nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C.

2. Buộc bà Phan Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền 29.000.000đ và lãi 3.466.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 32.466.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Phan Thị V phải nộp 1.623.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan